

*Thị xã Ô, ngày 13 tháng 7 năm 2020*

Số: **227/2020/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 406/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Văn H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản*: Chị Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang;

(Theo giấy ủy quyền số 000777 ngày 18/11/2019);

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị M, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: anh Trương Thế T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu phố B, Phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Văn H và bà Trần Thị M.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Văn H và bà Trần Thị M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thế T, sinh năm 1984 và Trương Tấn L, sinh năm 1999. Đã trưởng thành nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trương Văn H và bà Trần Thị M xác định không có tài sản chung. Bà Trần Thị M thống nhất thừa đất số 234, tờ bản đồ số 11, diện tích

299,7m<sup>2</sup>, đất tại Khu phố B, Phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04227 ngày 30/5/2017 và căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất tài sản riêng của ông H.

Công nhận thừa đất số 234, tờ bản đồ số 11, diện tích 299,7m<sup>2</sup>, đất tại Khu phố B, Phường N, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04227 ngày 30/5/2017 và căn nhà cấp 4 tọa lạc trên đất là tài sản riêng của ông Trương Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Trương Văn H tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.637.000 đồng (*một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 43564 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC. Như vậy, ông Trương Văn H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.487.000 đồng (*một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **THẨM PHÁN**

### ***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND TXGC;
- UBND xã ĐT, GCT;
- CCTHADS TXGC;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Hoàng Nhi**